

Bản án số: 902/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trung Thành

2/ Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thanh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 429/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị A**, sinh ngày 20/01/1978, số CCCD: 036178009749 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/4/2021 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 113 Lô T, chung cư Ngô Gia Tự, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Mai Quang L, sinh ngày 03/10/1977, số CCCD: 035077006294 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/12/2021 (vắng mặt)

Địa chỉ: 113 Lô T, chung cư Ngô Gia Tự, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2025, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà **Trần Thị A** trình bày: Bà và ông Mai Quang L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 (nay là phường Trung Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyền số: 01 cấp ngày 27/11/2009.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và mất dần sự kết nối vợ chồng do không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi, ông L đam mê

cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà đã đứng ra trả nợ cho ông L nhiều lần. Đến năm 2021, mâu thuẫn giữa bà và ông L trở nên trầm trọng, bà đã nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án một lần nhưng rút đơn về để cho ông L thêm cơ hội sửa đổi nhưng ông L vẫn không thay đổi, bà nhiều lần góp ý nhưng ông L không nghe mà còn chửi bới và đánh bà. Bà đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được, bà và ông L đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với nhau, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Quang L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà A khai, giữa bà và ông L chung sống có 02 con chung tên Mai Quang H, sinh ngày 17/01/2011 và Mai Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2013; Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà và ông L tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà A khai không có.

Ông Mai Quang L có bản tự khai trình bày: Quá trình chung sống Bà A thường xuyên vắng nhà dài ngày ông L không liên hệ được, ông L không nêu ý kiến về việc Bà A yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, ông L yêu cầu Bà A phải trả cho ông L số tiền đã mượn là 413.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác cho ông L nhưng ông L vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà A đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn ông Mai Quang L không có mặt trong các buổi hòa giải và không lên tòa cung cấp lời khai, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 5, 11 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 BLTTDS 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2009 (bản chính), có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Thị**

A và ông Mai Quang L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, Bà A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không còn hòa hợp, tình cảm không thể hàn gắn, ông L thường xuyên cờ bạc, vay mượn tiền để trả nợ làm phát sinh các khoản nợ mới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế và tinh thần của gia đình. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, ông L không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng hoặc giữa các bên vẫn còn khả năng đoàn tụ. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa Bà A và ông L là “Tranh chấp về ly hôn”. Bị đơn là ông Mai Quang L có địa chỉ cư trú tại phường Vườn Lài, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà A

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn:

Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên giữa Bà A và ông L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chung tay chăm lo cuộc sống gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và không có ý kiến về việc Bà A yêu cầu ly hôn và Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L không có mặt để Tòa án hòa giải. Như vậy, ông L cũng không có ý muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn với nhau. Ngoài ra, hiện tại Bà A, ông L vẫn tiếp tục sống ly thân, như vậy, cho thấy mục đích hôn nhân của Bà A và ông L không đạt được. Ông L cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân gia đình, tình cảm vợ chồng giữa Bà A và ông L không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của Bà A là có căn cứ.

- Về con chung: Bà A và ông L có 02 con chung. Bà A khai, giữa bà và ông L chung sống có 02 con chung tên Mai Quang H, sinh ngày 17/01/2011 và Mai Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2013. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Trẻ Quang Hưng và Thảo Nguyên đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Để không ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của trẻ Hội đồng xét xử xem xét giao trẻ Mai Quang H, sinh ngày 17/01/2011 và Mai Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2013 cho Bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A và ông L tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà A khai không có.

[3] Về ý kiến của bị đơn: Xét ông Mai Quang L trình bày bà **Trần Thị A** mượn ông tổng số tiền là 413.000.000 (bốn trăm mười ba triệu) đồng và yêu cầu Bà A trả cho ông số tiền này. Tuy nhiên, Tòa án đã hướng dẫn ông L làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông theo quy định nhưng ông L không nộp đơn yêu cầu phản tố cũng như tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, ông L có quyền khởi kiện yêu cầu trong vụ án khác.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị A**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị A** được ly hôn với ông Mai Quang L.

- Về con chung: Giao trẻ Mai Quang H, sinh ngày 17/01/2011 và trẻ Mai Thị Thảo N, sinh ngày 24/7/2013 cho bà **Trần Thị A** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A và ông L tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Mai Quang L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, Bà A chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0075383 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4 TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND phường Trung Mỹ Tây,
TP. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Nhàn

